TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **169** /2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 10 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 11 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 391/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Nguyễn S** - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: tổ 103, phường HM, quận LC, TP Đà Nẵng.

+ Bà **Lê Thị Vy Th** - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: tổ 107, phường HM, quận LC, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường HM, quận LC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 103, phường HM, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợpvà bất đồng quan điểm sống. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông S và bà Th.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th xác định có 02 con chung Nguyễn Bảo Th1 – Sinh ngày 11.03.2012 và Nguyễn Bảo Anh Th2 – Sinh ngày 01.07.2013.

Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th thống nhất thỏa thuận về con chung như sau: Giao 02 con chung Nguyễn Bảo Th1 – Sinh ngày 11.03.2012 và Nguyễn Bảo Anh Th2 – Sinh ngày 01.07.2013 cho bà Lê Thị Vy Th trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con chung số tiền mỗi tháng 7.000.000 đồng/02 con (3.500.000 đồng/con/tháng), cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày 01.12.2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét sự thỏa thuận của ông S và bà Th đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* ông S và bà Th chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 192/2011, quyển số 04/2011 ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân phường HM, quận LC, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Lê Thị Vy Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo Th1 – Sinh ngày 11.03.2012 và Nguyễn Bảo Anh Th2 – Sinh ngày 01.07.2013, ông Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con chung số tiền mỗi tháng 7.000.000 đồng/02 con (3.500.000 đồng/con/tháng), cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng. Thời

gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày 01.12.2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Lê Thị Vy Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn S và bà Lê Thị Vy Th phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004705 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường HM, quận LC, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Thủy